

Số: 960 /TCT-TCKT

V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch  
Báo cáo tài chính bán niên năm 2019  
của TCT Sông Đà - CTCP.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

1. Tên công ty : Tổng công ty Sông Đà
2. Mã chứng khoán : SJG
3. Địa chỉ : toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại : (84-024)38541164
5. Fax : (84-024)38541161
6. Người được uỷ quyền công bố thông tin: Vũ Đức Quang
7. Người đại diện : Trần Văn Tuấn
8. Nội dung thông tin công bố:
  - 8.1 Báo cáo tài chính (BCTC) công ty mẹ và hợp nhất bán niên năm 2019 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C phát hành ngày 28/8/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
  - 8.2 Giải trình chênh lệch số liệu, kết quả kinh doanh Quý II và bán niên trên báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ:
    - Đối với số liệu Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính Quý II đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên năm 2019 được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên:
      - + Đối với số liệu trên Bảng cân đối kế toán: một số chỉ tiêu chênh lệch do số liệu tại công ty con có sự thay đổi sau khi được kiểm toán, đồng thời việc loại trừ các giao dịch nội bộ giữa các công ty con với nhau, tách lợi ích cổ đông không kiểm soát dẫn đến số liệu trên Bảng cân đối kế toán sau kiểm toán thay đổi so với số liệu trong báo cáo tài chính quý II.
      - + Đối với số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
        - (i) Kết quả chênh lệch do điều chỉnh giảm thu cổ tức tại một số công ty do các đơn vị thay đổi thời gian chốt danh sách chi trả cổ tức;

(ii) Kết quả thay đổi từ công ty con dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh sau kiểm toán giảm so với số liệu lũy kế trên BCTC quý II.

- Đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

+ BCTC công ty mẹ lợi nhuận sau thuế là 51,367 tỷ đồng giảm 26,353 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 33% so với cùng kỳ trước. Nguyên nhân chủ yếu: do doanh thu giảm, trích lập dự phòng đầu tư tài chính.

+ BCTC hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế là 109,131 tỷ đồng giảm 118,799 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 52% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính: các công trình do Tổng công ty Sông Đà làm tổng thầu đã đi vào giai đoạn cuối, doanh thu giảm nên lợi nhuận giảm tương ứng; do tái cấu trúc các đơn vị không thuộc ngành nghề kinh doanh chính hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả sẽ giảm số lượng hợp nhất các đơn vị.

9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.songda.vn](http://www.songda.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được công bố là đúng sự thật và đúng theo các quy định của luật kế toán.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT;

**Người được uỷ quyền công bố thông tin**



*Vũ Đức Dương*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 47

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Khái quát về Tổng công ty**

Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND.

**Trụ sở chính:**

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : [banbientap@songda.vn](mailto:banbientap@songda.vn)
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 8 7 0

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Văn Viết	Thành viên	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018

1/31  
 CH  
 M 1  
 1/6/1

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Kế toán trưởng	Ngày 08 tháng 7 năm 2018

## Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

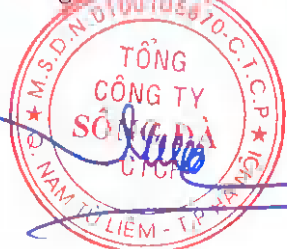
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

11/11/19

Số: 2.0547/19/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 1.7 phần thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu hợp cộng của số liệu Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - Công ty TNHH MTV (đơn vị cổ phần hóa) và số liệu Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

CHI NHÁNH  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
A&C  
TẠI HÀ NỘI



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.895.767.543.179</b>	<b>7.237.028.737.004</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>196.266.189.386</b>	<b>206.398.301.098</b>
1. Tiền	111		196.266.189.386	206.398.301.098
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>195.581.661.250</b>	<b>236.381.661.250</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	21.381.661.250	21.381.661.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	174.200.000.000	215.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.424.850.655.395</b>	<b>6.697.561.068.599</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	2.445.034.174.516	2.616.455.571.307
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	149.342.494.575	117.623.999.596
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.835.891.603.623	2.957.455.077.864
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.053.418.995.050	1.065.162.057.485
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(58.836.612.369)	(59.135.637.653)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.905.072.804</b>	<b>7.902.760.834</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	7.905.072.804	7.902.760.834
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>71.163.964.344</b>	<b>88.784.945.223</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	49.895.260.789	50.090.614.400
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.257.686.190	38.683.313.458
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	11.017.365	11.017.365
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.337.757.278.846</b>	<b>8.415.606.998.472</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.260.468.805.940</b>	<b>1.318.108.486.790</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	413.918.382.372	477.103.056.783
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	846.550.423.568	841.005.430.007
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>905.785.353.996</b>	<b>925.017.052.134</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	905.663.430.098	924.864.357.947
<i>Nguyên giá</i>	222		1.103.894.928.768	1.103.894.928.768
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(198.231.498.670)	(179.030.570.821)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	121.923.898	152.694.187
<i>Nguyên giá</i>	228		1.714.684.123	1.714.684.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.592.760.225)	(1.561.989.936)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>48.849.426.755</b>	<b>48.849.426.755</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	48.849.426.755	48.849.426.755
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.046.431.409.202</b>	<b>6.046.567.925.937</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	3.509.267.425.514	3.509.267.425.514
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.508.892.247.810	2.560.712.347.810
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	208.341.087.205	156.550.987.205
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(180.069.351.327)	(179.962.834.592)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>76.222.282.953</b>	<b>77.064.106.856</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	76.222.282.953	77.064.106.856
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.233.524.822.025</b>	<b>15.652.635.735.476</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.664.411.065.955</b>	<b>11.134.889.205.957</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.305.337.021.707</b>	<b>6.650.549.786.232</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	3.159.127.813.520	3.393.368.570.653
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	58.263.193.948	58.344.943.159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	92.894.524.613	102.246.116.857
4. Phải trả người lao động	314		3.527.460.143	8.857.325.960
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	228.168.719.177	235.478.004.147
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	9.405.388.820	10.400.631.022
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.143.097.121.462	1.145.250.054.351
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	1.607.550.736.474	1.682.210.306.069
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	3.302.063.550	14.393.834.014
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.359.074.044.248</b>	<b>4.484.339.419.725</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V13b	579.633.110.791	648.710.168.314
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	154.010.239.732	155.901.887.726
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	59.386.574.335	59.416.574.335
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	3.566.044.119.390	3.620.310.789.350
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

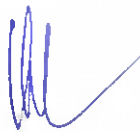
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.569.113.756.070</b>	<b>4.517.746.529.519</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>4.569.113.756.070</b>	<b>4.517.746.529.519</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.742.636.070	22.375.409.519
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.375.409.519	22.375.409.519
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		51.367.226.551	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>15.233.524.822.025</b>	<b>15.652.635.735.476</b>

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dang đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

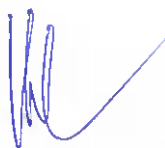
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	414.550.416.803	638.592.932.784
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	91.170.248
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		414.550.416.803	638.501.762.536
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	380.920.121.040	593.806.427.557
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.630.295.763	44.695.334.979
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	239.853.687.695	246.592.115.528
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	183.078.419.908	170.270.930.310
Trong đó: chi phí lãi vay	23		168.378.881.249	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	28.881.924.559	36.440.296.190
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.523.638.991	84.576.224.007
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.712.191.201	522.035.366
12. Chi phí khác	32	VI.7	11.868.603.641	7.377.562.771
13. Lợi nhuận khác	40		(10.156.412.440)	(6.855.527.405)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.367.226.551	77.720.696.602
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.367.226.551	77.720.696.602
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Văn Tuấn

Trịnh Thị Anh Đào

Vũ Đức Quang

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng dây chuyền)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		51.367.226.551	77.680.696.602
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; 11	19.231.698.138	16.878.132.296
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; 5	(192.508.549)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	10.786.745.035	9.177.475.348
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(236.414.952.256)	(239.981.721.006)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	168.378.881.249	152.686.166.479
- Các khoản điều chỉnh khác	07		27.602.007.920	6.017.896.898
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.759.098.088	22.458.646.617
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		373.880.393.202	41.668.855.029
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.311.970)	(5.282.591.933)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(350.305.720.214)	(17.095.724.633)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.037.177.514	(3.251.715.213)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(152.881.195.929)	(187.986.932.114)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.091.770.464)	(12.040.496.954)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(98.604.329.773)</b>	<b>(161.529.959.201)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(170.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.800.000.000	574.056.907.430
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		30.000.000	34.003.167.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		212.209.997.256	101.273.567.351
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>253.039.997.256</b>	<b>539.333.641.781</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	9.410.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	362.284.735.265	1.315.875.206.691
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(527.563.234.073)	(1.836.982.265.149)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(165.278.498.808)</b>	<b>(511.697.058.458)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(10.842.831.325)</b>	<b>(133.893.375.878)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>206.398.301.098</b>	<b>419.998.595.925</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngo	61		710.719.613	158.886.596
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>196.266.189.386</b>	<b>286.264.106.643</b>

Người lập biên

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) là Công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; Xuất khẩu lao động; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Khách sạn; Dịch vụ nổ mìn./.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Các vấn đề có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng công ty đang thực hiện việc quyết toán vốn nhà nước để bàn giao sang công ty cổ phần, trong đó có một số vấn đề khó khăn, vướng mắc. Liên quan đến các khó khăn, vướng mắc trong việc quyết toán vốn nhà nước, Tổng công ty đã có văn bản số 150/TCT-HĐQT ngày 26 tháng 7 năm 2018 và văn bản số 1173/BC-NĐDPV ngày 20 tháng 11 năm 2018 gửi Bộ Xây dựng. Cho đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty vẫn chưa nhận được văn bản hướng dẫn từ Bộ Xây dựng.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty đã có Tờ trình số 66/BCĐ-TGV v/v quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà gửi Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Bộ Xây dựng, xác định giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần là 4.987.015.441.734 đồng.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Cấu trúc Tổng công ty

#### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tầng 2, Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*)	Tầng 8, Nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Phòng 501, tầng 5, số 121 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (*)	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	SX điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	SX điện thương phẩm	58,58%	58,58%	58,58%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	SX điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%

(\*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các Công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và khoản đầu tư được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Các Công ty liên doanh, liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	SX điện thương phẩm	44,77%	44,77%	44,77%
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thu phí đường bộ	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bất động sản	36,30%	36,30%	36,30%
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Uerin	Tầng 26, khu A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su	25,00%	25,00%	25,00%

### *Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kontum
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Đắc Sin, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
Ban điều hành dự án Thủy điện Bán Vẽ	Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Hủa Na	Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Giang Nam, tỉnh Quảng Nam
Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3	

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu hợp cộng của số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - Công ty TNHH MTV (đơn vị cổ phần hóa) và số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Theo đó, số liệu so sánh trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 05 tháng 4 năm 2018) nên chỉ có tính chất tham khảo.

### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kế toán, Tổng công ty có 166 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 188 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Bru điện Liên Việt.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh của Tổng công ty là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

VIETNAM PARTNERS (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán vào doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng, không ghi nhận giá trị.

#### *Đánh giá lại*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá trị định giá lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 cộng thêm phần cổ tức nhận được bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phát sinh sau thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2018 được ghi nhận theo giá trị thị trường tại ngày này.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

2019  
NIÊN ĐỘ  
TỔNG HỢP

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Chi phí tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp***

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### ***Giá trị thương hiệu Sông Đà***

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

### **Chi phí quản lý Ban điều hành**

Chi phí quản lý Ban điều hành được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ không lớn hơn phần thu phí mà Ban điều hành được hưởng trong kỳ. Trường hợp chi phí quản lý Ban điều hành đã chi lớn hơn phần phụ phí Ban điều hành được hưởng trong kỳ thì phần chênh lệch được phản ánh như một khoản chi phí trả trước.

### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 47
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 25

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng công ty được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

### **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:



## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng công ty được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **12. Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh giá tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **13. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.447.383.486	835.761.714
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	194.819.405.900	205.562.539.384
<b>Cộng</b>	<b>196.266.789.386</b>	<b>206.398.301.098</b>
<i>Trong đó, tiền gửi bị phong tỏa (*)</i>	<i>914.179.166</i>	<i>911.441.079</i>

(\*) Là số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam - Chi nhánh Nam Định bị phong tỏa để chờ quyết toán hỗ trợ lãi suất.

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

##### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng công ty Sông Đà, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	1.600.500.000	1.600.500.000
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	1.577.041.250	1.577.041.250
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	18.204.120.000	18.204.120.000
<b>Cộng</b>	<b>21.381.661.250</b>	<b>21.381.661.250</b>

##### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 12 tháng.

##### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>3.509.267.425.514</b>	<b>(89.219.000.000)</b>	<b>3.509.267.425.514</b>	<b>(89.219.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 <sup>(i)</sup>	64.464.000.000	(64.464.000.000)	64.464.000.000	(64.464.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 <sup>(i)</sup>	72.975.500.000		72.975.500.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 <sup>(i)</sup>	196.843.824.000		196.843.824.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 <sup>(i)</sup>	339.023.100.000		339.023.100.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 <sup>(i)</sup>	305.867.224.224		305.867.224.224	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 <sup>(i)</sup>	417.736.289.900		417.736.289.900	
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	(12.750.000.000)	12.750.000.000	(12.750.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	228.073.875.831		228.073.875.831	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến <sup>(ii)(i)</sup>	538.954.275.894		538.954.275.894	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn <sup>(i)</sup>	1.010.880.360.000		1.010.880.360.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà <sup>(i)</sup>	15.973.200.000		15.973.200.000	
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	222.842.600.465		222.842.600.465	

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 <sup>(i)</sup>	47.040.000.000		47.040.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.005.000.000	(12.005.000.000)	12.005.000.000	(12.005.000.000)
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà <sup>(i)</sup>	23.838.175.200		23.838.175.200	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>2.508.892.247.810</b>	<b>(90.600.000.000)</b>	<b>2.560.712.347.810</b>	<b>(90.600.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11			51.820.100.000	
Công ty Cổ phần điện Việt Lào <sup>(i)</sup>	1.107.039.446.070		1.107.039.446.070	
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	128.215.909.014		128.215.909.014	
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	20.887.000.000		20.887.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000		84.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà <sup>(i)</sup>	1.065.245.494.600		1.065.245.494.600	
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.504.398.126		3.504.398.126	
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie <sup>(ii)</sup>	100.000.000.000	(90.600.000.000)	100.000.000.000	(90.600.000.000)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>208.341.087.205</b>	<b>(250.351.327)</b>	<b>156.550.987.205</b>	<b>(143.834.592)</b>
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>	<b>208.231.087.205</b>	<b>(250.351.327)</b>	<b>156.440.987.205</b>	<b>(143.834.592)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex <sup>(ii)(i)</sup>	55.396.800.278		55.396.800.278	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11(*)	51.820.100.000			
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh <sup>(ii)</sup>	13.082.914.986		13.082.914.986	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000		1.536.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000		538.200.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000		300.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831		5.930.749.831	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coeco	4.573.200.000	(85.051.327)	4.573.200.000	
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000		25.724.000.000	
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	(165.300.000)	165.300.000	(143.834.592)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	35.258.322.110		35.258.322.110	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	2.000.000.000		2.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn <sup>(ii)</sup>	6.905.500.000		6.935.500.000	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>110.000.000</b>		<b>110.000.000</b>	
Tập đoàn Hà Thành	110.000.000		110.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>6.226.500.760.529</b>	<b>(180.069.351.327)</b>	<b>6.226.530.760.529</b>	<b>(179.962.834.592)</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

(i) Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng là 5.220.554.543.736 VND.

(ii) Trong đó, các khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	38.718.000.000	38.718.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.905.500.000	6.905.500.000
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	9.400.000.000	9.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	1.005.720.000	1.005.720.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	1.300.000.000	1.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>57.329.220.000</b>	<b>57.329.220.000</b>

#### Giá trị hợp lý

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie đang làm thủ tục phá sản, các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	179.962.834.592	
Trích lập dự phòng bổ sung	106.516.735	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>180.069.351.327</b>	

#### Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (Sông Đà 3)</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác phải thu	179.053.176	
Phí Ban điều hành	409.354.154	
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Sông Đà 4)</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác phải thu	79.189.567	
Phí Ban điều hành	329.609.762	
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (Sông Đà 5)</b>		
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.039.437.782	
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (Sông Đà 6)</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác phải thu	119.553.944	
Phí Ban điều hành	137.871.135	
Doanh thu cho thuê xe ô tô	66.000.000	

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (Sông Đà 9)</b> Doanh thu cung cấp dịch vụ khác phải thu	10.980.764
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Sông Đà 10)</b> Doanh thu cung cấp dịch vụ khác phải thu	716.961.900
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Ucrin</b> Phí Ban điều hành	3.419.845
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác phải thu	297.755
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (Cần Đơn)</b> Giá vốn điện thương phẩm	100.599.771.694
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà</b> Phí Ban điều hành	91.286.943
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 (Sông Đà 10.1)</b> Phí Ban điều hành	86.547.479
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà</b> Doanh thu cho thuê mặt bằng	161.507.420
Doanh thu tái thiết	1.325.630.455
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác phải thu	1.354.237.174

### 3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.603.812.087.447</b>	<b>1.566.349.823.272</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	207.554.802	172.231.496
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.673.772	2.222.708
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		12.653.775
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	310.749.873	109.348.874
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	171.167.328	750.675.342
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		343.800.339
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.591.226.988	2.580.598.208
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	351.478.857	130.844.505
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	309.316.298	308574796
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	55.083.000	44.432.400
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	684.394.450.214	687.819.635.530
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	138.328.236	137.382.974
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	476.459.776	317.668.617
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	12.486.535.661	12.486.535.661
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	13.510.750	2.151.961
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.134.591.507	3.596.165.254
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 1	330.111.022.153	290.678.870.397
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 3	569.056.938.232	566.856.030.435

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>841.222.087.069</b>	<b>1.050.105.748.035</b>
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	72.550.237.719	74.217.366.641
Ban Quản lý Dự án thủy điện 4	63.231.823.051	63.231.823.051
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	2.018.815.845	14.790.889.694
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	18.160.359.000	15.265.148.545
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin	414.306.688.203	455.499.407.652
Ban quản lý Thủy điện 2-Tập đoàn điện lực Việt Nam	28.507.591.468	28.507.591.468
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	10.734.019.094	10.734.019.094
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	33.702.077.574	91.898.810.583
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	147.677.368	22.169.761.062
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	89.376.016.986	161.757.904.400
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	64.705.222.023	64.705.222.023
Các khách hàng khác	43.781.558.738	47.671.604.161
<b>Cộng</b>	<b><u>2.445.034.174.516</u></b>	<b><u>2.616.455.571.307</u></b>

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>168.219.749.786</b>	<b>166.866.298.027</b>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	19.002.468.644	19.002.468.644
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 1	149.217.281.142	147.863.829.383
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>245.698.632.586</b>	<b>310.236.758.756</b>
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	117.055.749.111	181.593.875.281
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	128.642.883.475	128.642.883.475
<b>Cộng</b>	<b><u>413.918.382.372</u></b>	<b><u>477.103.056.783</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>	<b>91.937.166.724</b>	<b>58.062.953.019</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	23.032.388.997	2.354.883.910
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	13.406.373.783	260.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		10.010.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.460.586.993	1.145.959.608
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	260.568.300	32.544.694
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	800.000.000	917.078.578
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	46.977.248.651	46.342.475.446
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long		2.000.000.000
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b>57.405.327.851</b>	<b>59.561.046.577</b>
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	9.225.966.125	9.225.966.125
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	2.335.146.896	2.335.146.896
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đứơc Thịnh	1.140.470.987	3.325.874.568
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại sông Đà	3.370.712.013	3.550.832.842



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	13.702.950.000	13.702.950.000
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	1.452.746.310	1.897.744.626
Công ty Cổ phần SbTech	8.713.025.756	8.713.025.756
Các nhà cung cấp khác	17.464.309.764	16.809.505.764
<b>Cộng</b>	<b>149.342.494.575</b>	<b>117.623.999.596</b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn****5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>908.209.897.920</b>	<b>880.224.654.732</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	1.502.209.327	2.914.707.188
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	901.325.596	1.748.824.313
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	2.027.453.211	2.027.453.211
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	908.209.897.920	873.533.670.020
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.923.250.717.569</b>	<b>2.077.230.423.132</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - vay vốn lưu động	977.009.156.984	977.009.156.984
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại <sup>(*)</sup>	906.574.128.448	1.061.512.960.765
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng <sup>(*)</sup>	24.567.432.137	23.608.305.383
Viện Kinh tế Xây dựng	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sứ Pán 2	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.835.891.603.623</b>	<b>2.957.455.077.864</b>

**5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>167.672.570.696</b>	<b>166.633.351.942</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	104.795.351.275	104.145.839.587
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	62.877.219.421	62.487.512.355
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>678.877.852.872</b>	<b>674.372.078.065</b>
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại <sup>(*)</sup>	678.777.852.872	674.272.078.065
<b>Cộng</b>	<b>846.550.423.568</b>	<b>841.005.430.007</b>

<sup>(\*)</sup> Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng chưa có xác nhận khoản Tổng công ty cho vay.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>357.717.493.899</b>	<b>364.138.173.926</b>
<i>Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>258.429.061.736</i>	<i>268.785.335.936</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	4.080.000.000	4.080.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	23.432.500.000	16.737.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	16.681.680.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	56.503.850.000	56.503.850.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	20.026.944.000	20.026.944.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	15.964.444.200
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	735.000.000	735.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện Sê San 3A	72.840.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	-	70.322.112.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	78.046.612.000	36.300.750.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.433.055.736	1.433.055.736
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.331.100.000	-
<b>Phải thu các khoản khác</b>	<b>99.288.432.163</b>	<b>95.352.837.990</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	514.978.566	914.922.468
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	786.094.139	786.094.139
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	3.650.281.707	380.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	-	1.852.843.966
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	28.956.856.828	28.956.856.828
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	549.410.753	505.474.298
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	69.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	22.338.010.545	22.195.956.080
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	33.053.901.142	31.275.976.162
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	26.242.254	26.242.254
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	135.567.867	135.567.867
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 1	41.962.777	41.962.777
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 3	7.309.210.552	7.280.941.151
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	1.356.915.033	500.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>695.635.777.109</i>	<i>701.023.883.559</i>
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	39.334.390.000	29.263.030.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại	469.604.427.454	458.665.930.971
Tạm ứng	4.892.391.670	6.148.644.153
Phải thu về cổ phần hoá	5.990.077.066	5.858.915.738
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.187.238.356	10.951.104.658
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	171.692.976.605	190.136.258.039
<b>Cộng</b>	<b>1.053.418.995.050</b>	<b>1.065.162.057.485</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tất cả các khoản nợ được trích lập dự phòng theo khả năng thu hồi.

	Giá gốc	Dự phòng
Tổng công ty Cổ phần Sông Hồng - cổ tức	19.763.178.000	(19.763.178.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà I	18.894.343.754	(18.894.343.754)
Hiệp hội Đầu tư Xây dựng Năng Lượng Việt Nam	3.122.520.000	(3.122.520.000)
Các đối tượng khác	17.056.570.615	(17.056.570.615)
<b>Cộng</b>	<b>58.836.612.369</b>	<b>(58.836.612.369)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	59.135.637.653	
Hoàn nhập dự phòng	(299.025.284)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>58.836.612.369</b>	

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.097.685		43.785.715	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.858.975.119		7.858.975.119	
<b>Cộng</b>	<b>7.905.072.804</b>		<b>7.902.760.834</b>	

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey <sup>(i)</sup>	47.677.389.977	47.677.389.977
Chi phí thiết bị văn phòng	324.803.595	438.467.706
Chi phí thuê tư vấn dự thầu Dự án đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	1.602.316.873	1.602.316.873
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	290.750.344	372.439.844
<b>Cộng</b>	<b>49.895.260.789</b>	<b>50.090.614.400</b>

<sup>(i)</sup> Là chi phí tư vấn tái cấu trúc sử dụng vốn của Tập đoàn Sông Đà giai đoạn 2010 – 2012 chờ ý kiến của Bộ Xây dựng thực hiện văn bản chỉ đạo số 1478/TTg-ĐMDN của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	47.702.123.219	48.762.169.973
Thương hiệu Sông Đà <sup>(ii)</sup>	8.294.899.070	10.664.870.228
Chi phí quản lý Ban điều hành	20.165.981.230	17.557.903.966
Chi phí công cụ dụng cụ	3.878.183	12.270.001
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp - G10	50.844.765	61.013.718
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.556.486	5.878.970
<b>Cộng</b>	<b>76.222.282.953</b>	<b>77.064.106.856</b>

<sup>(ii)</sup> Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	682.765.059.198	88.310.489.012	50.069.267.094	11.969.999.110	270.780.114.354	1.103.894.928.768
Số đầu năm						
Thanh lý, nhượng bán						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>682.765.059.198</b>	<b>88.310.489.012</b>	<b>50.069.267.094</b>	<b>11.969.999.110</b>	<b>270.780.114.354</b>	<b>1.103.894.928.768</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.605.218.900	798.654.908	6.186.064.558	1.611.711.487	1.421.798.828	11.623.448.681
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	56.069.967.927	35.992.239.972	26.218.202.140	8.861.213.187	51.888.947.595	179.030.570.821
Khấu hao trong kỳ	8.412.908.190	2.885.800.330	1.435.263.194	565.421.137	5.901.534.998	19.200.927.849
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>64.482.876.117</b>	<b>38.878.040.302</b>	<b>27.653.465.334</b>	<b>9.426.634.324</b>	<b>57.790.482.593</b>	<b>198.231.498.670</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	626.695.091.271	38.878.040.302	23.851.064.954	3.108.785.923	218.891.166.759	924.864.357.947
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>618.282.183.081</b>	<b>49.432.448.710</b>	<b>22.415.801.760</b>	<b>2.543.364.786</b>	<b>212.989.631.761</b>	<b>905.663.430.098</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 585.787.218.372 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
Mua trong kỳ				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>337.478.200</b>	<b>1.187.205.923</b>	<b>190.000.000</b>	<b>1.714.684.123</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		1.187.205.923	39.922.000	1.227.127.923
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	317.950.673	1.183.872.591	60.166.672	1.561.989.936
Khấu hao trong năm	8.436.954	3.333.332	19.000.003	30.770.289
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>326.387.627</b>	<b>1.187.205.923</b>	<b>79.166.675</b>	<b>1.592.760.225</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	19.527.527	3.333.332	129.833.328	152.694.187
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.090.573</b>		<b>110.833.325</b>	<b>121.923.898</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng cơ bản Dự án Thủy điện Sekong 3.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.494.143.402.441</b>	<b>2.816.091.500.296</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	5.729.370.148	5.482.996.312
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	218.203.363.727	234.696.718.446
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	176.555.947.600	170.938.969.805
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	157.670.912.912	138.962.172.975
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	245.335.052.476	253.716.692.112
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	311.241.089.519	331.702.181.576
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	557.473.488.797	610.381.202.287
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		89.897.310.846
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	484.124.017	484.124.017
Công ty Cổ phần PCCC và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	247.001.253	247.001.253
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	423.466.448.270	508.659.809.766
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	11.002.754.099	11.102.754.099
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	132.377.119.159	154.844.103.383
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	347.894.000	1.037.957.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	4.130.808.989	5.009.920.074
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	152.908.105.710	137.783.309.197
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long		60.813.835.165
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	19.687.524.273	23.048.044.491
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 3	13.640.090	13.640.090

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	1.254.400.146	1.254.400.146
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	8.943.757.256	8.943.757.256
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>664.984.411.079</b>	<b>577.277.070.357</b>
Công ty Cổ phần Lilama 10	23.124.291.227	34.368.020.331
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	19.058.747.224	19.058.747.224
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	78.594.880.627	8.042.689.133
Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	11.538.325.974	12.038.325.974
Công ty Cổ phần SDP	14.901.256.183	16.168.896.110
Công ty cổ phần Sông Đà 7	57.631.546.090	73.864.350.347
Công ty Cổ phần Licogi 12	30.499.926.508	31.059.926.508
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	48.312.893.334	15.965.536.910
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	90.466.503.346	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	60.998.877.383	
Các nhà cung cấp khác	229.857.163.183	366.710.577.820
<b>Cộng</b>	<b>3.159.127.813.520</b>	<b>3.393.368.570.653</b>

**13b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>449.729.504.237</b>	<b>535.985.706.960</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.086.331.251	1.086.331.251
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	11.961.061.981	11.852.955.628
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	44.107.443.281	45.064.319.840
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	68.702.989.675	68.702.989.675
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	71.554.254.333	102.202.816.251
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	75.569.349.974	76.451.502.701
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	97.788.540.988	127.441.949.306
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		9.948.735.511
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.965.569.807	4.156.955.063
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.991.793.414	1.983.573.283
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	45.245.684.772	45.245.684.772
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucerin	1.837.162.234	1.758.904.122
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	4.804.610.355	9.076.273.157
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	19.389.760.962	18.919.307.024
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long		10.368.458.166
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	1.724.951.210	1.724.951.210
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>129.903.606.554</b>	<b>112.724.461.354</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	8.615.379.567	8.388.694.656
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	56.152.431.196	56.152.431.196
Công ty Cổ phần SDP	6.712.696.739	7.363.954.888
Công ty Cổ phần SCI	8.896.709.509	10.452.369.667
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai khoáng Việt Bắc	6.341.035.112	6.341.035.112
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	9.948.735.511	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	10.401.656.921	
Các nhà cung cấp khác	22.834.961.999	24.025.975.835
<b>Cộng</b>	<b>579.633.110.791</b>	<b>648.710.168.314</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCGP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

#### *Trả trước của các bên liên quan*

Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	51.243.575.219	51.609.375.002
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	580.083.678	580.083.678
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 1	6.194.880.000	6.194.880.000
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 3	27.481.150	43.848.410
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	21.821.821.908	22.171.254.431
Ban quản lý Dự án thủy điện 4	22.359.308.483	22.359.308.483
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nhà Quốc Hội	7.019.618.729	6.735.568.157
Các đối tượng khác	2.233.353.000	2.233.353.000
Cộng	2.771.963.165	2.771.963.165
	2.014.302.564	1.730.251.992
	<b>58.263.193.948</b>	<b>58.344.943.159</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong kỳ	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.316.112.464		(4.918.603.938)	2.532.952.217
Thuế thu nhập cá nhân	751.615.617	11.017.365	(668.033.542)	427.762.270
Tiền thuế đất	728.637.371		(3.411.899.496)	6.281.187.424
Các loại thuế khác	121.385.634		(10.000.000)	121.385.634
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	562.113.420		(1.368.925.665)	10.058.238.955
Lợi nhuận còn lại nộp về ngân sách	96.766.252.351		(24.827.060.657)	73.472.998.113
Cộng	<b>102.246.116.857</b>	<b>11.017.365</b>	<b>(35.204.523.298)</b>	<b>92.894.524.613</b>
				<b>11.017.365</b>

(\*) Các khoản phải nộp khác phát sinh trong kỳ là tiền chậm nộp lợi nhuận trước cổ phần hóa phải nộp vào ngân sách nhà nước theo kết quả kiểm tra của Kiểm toán nhà nước.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, bán điện	10%
- Hoạt động dịch vụ	10%
- Hoạt động cho thuê văn phòng	10%
- Hoạt động cho thuê xe ô tô	10%
- Hoạt động bán thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất	0%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tổng công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Thuế nhà đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí ban điều hành	2.071.852.044	1.641.360.077
Chi phí lãi vay phải trả	95.473.539.944	86.546.848.950
Chi phí lãi trái phiếu phải trả		344.186.301
Chi phí công trình xây dựng	117.164.469.727	129.071.212.727
Chi phí thuế đất năm 2018		11.652.309.142
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	13.458.857.462	6.222.086.950
<b>Cộng</b>	<b><u>228.168.719.177</u></b>	<b><u>235.478.004.147</u></b>

### 17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

Là các khoản tiền cho thuê văn phòng khách hàng trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	9.405.388.820	10.400.631.022
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	154.010.239.732	155.901.887.726
<b>Cộng</b>	<b><u>163.415.628.552</u></b>	<b><u>166.302.518.748</u></b>
<i>Trong đó, doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	27.320.212.213	27.655.775.775
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	32.761.135.159	33.163.527.466



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>193.350.623.776</b>	<b>193.442.675.905</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.285.342.364	1.285.342.364
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	168.420.093	168.420.093
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	227.303.984	193.860.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	13.755.883.496	13.755.883.496
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		125.496.113
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	39.069.000	39.069.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	52.548.450	52.548.450
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	159.390.000	159.390.000
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	173.183.933.118	173.183.933.118
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	51.435.000	51.435.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	13.200.000	13.200.000
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>949.746.497.686</b>	<b>951.807.378.446</b>
Kinh phí công đoàn	537.625.555	458.788.959
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	71.247.602	589.107.885
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.940.945.050	21.657.976.820
Các quỹ tự nguyện	21.739.993.703	22.269.757.219
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	375.599.890.996	370.755.500.517
Phải trả về cổ phần hoá	901.280.000	901.280.000
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	473.711.066.726	475.244.873.145
Phải trả Công ty Mua bán nợ - DATC	277.441.718	1.947.947.214
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	53.967.006.336	57.982.146.687
<b>Cộng</b>	<b>1.143.097.121.462</b>	<b>1.145.250.054.351</b>

**18b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrink	600.000.000	600.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 10 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng	3.000.000.000	3.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng	2.400.000.000	2.400.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>53.386.574.335</b>	<b>53.416.574.335</b>
Phải trả người ủy thác đầu tư	51.329.220.000	51.359.220.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.057.354.335	2.057.354.335
<b>Cộng</b>	<b>59.386.574.335</b>	<b>59.416.574.335</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vay ngắn hạn/ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
19a. Vay ngắn hạn		
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>336.806.748.012</b>	<b>310.778.496.409</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	136.806.748.012	286.231.063.848
<i>Chi nhánh Sờ Giao dịch I</i>	60.498.476.592	53.894.031.990
<i>Chi nhánh Hà Tây</i>	76.308.271.420	232.337.031.858
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	200.000.000.000	24.547.432.561
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân khác</i>	<b>253.299.254</b>	<b>253.299.254</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> (xem thuyết minh số V.19b)	<b>1.270.490.689.208</b>	<b>1.371.178.510.406</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.607.550.736.474</b>	<b>1.682.210.306.069</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>310.778.496.409</b>	<b>362.284.735.265</b>			<b>336.256.483.662</b>	<b>336.806.748.012</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	286.231.063.848	184.549.338.532			333.973.654.368	136.806.748.012
<i>Chi nhánh Sờ Giao dịch I</i>	53.894.031.990	108.241.067.112			101.636.622.510	60.498.476.592
<i>Chi nhánh Hà Tây</i>	232.337.031.858	76.308.271.420			232.337.031.858	76.308.271.420
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	24.547.432.561	177.735.396.733			2.282.829.294	200.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân khác</i>	<b>253.299.254</b>					<b>253.299.254</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>1.371.178.510.406</b>		<b>75.441.039.413</b>	<b>15.177.889.800</b>	<b>191.306.750.411</b>	<b>1.270.490.689.208</b>
Ngân hàng NIB	529.361.883.616		38.656.015.220	6.916.783.878		574.934.682.714
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	64.993.999.298		35.172.090.309	207.612.613	31.704.390.759	68.669.311.461
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	3.277.058.205		1.612.933.884	10.292.775	1.626.665.093	3.273.619.771
Ngân hàng Natixis	157.975.694.559				157.975.694.559	
Quy tích lũy nợ - Bộ Tài chính	615.569.874.728			8.043.200.534		623.613.075.262
<b>Cộng</b>	<b>1.682.210.306.069</b>	<b>362.284.735.265</b>	<b>75.441.039.413</b>	<b>15.177.889.800</b>	<b>527.563.234.073</b>	<b>1.607.550.736.474</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****19b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>2.416.115.887.638</b>	<b>2.473.779.610.518</b>
Ngân hàng NIB	38.655.713.513	76.314.582.004
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	2.301.532.230.586	2.322.311.182.140
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	75.927.943.539	75.153.846.374
<b>Trái phiếu thường dài hạn (*)</b>	<b>1.149.928.231.752</b>	<b>1.146.531.178.832</b>
Mệnh giá trái phiếu	1.160.000.000.000	1.160.000.000.000
Phí phát hành trái phiếu	(10.071.768.248)	(13.468.821.168)
<b>Cộng</b>	<b><u>3.566.044.119.390</u></b>	<b><u>3.620.310.789.350</u></b>

(\*) Là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi với kỳ hạn là 3 năm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2017 để tái cơ cấu các khoản nợ. Trái chủ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên của trái phiếu là 11%/năm, lãi suất áp dụng từ kỳ tính lãi tiếp theo của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SJD, SD5, SD6, SD9, SDT, SD2, SD3, SD4, SJS, SDC và MEC.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	3.062.993.501.584	646.877.613.946	2.416.115.887.638	
Vay dài hạn các tổ chức khác	623.613.075.262	623.613.075.262		
Trái phiếu thường	1.149.928.231.752		1.149.928.231.752	
<b>Cộng</b>	<b><u>4.836.534.808.598</u></b>	<b><u>1.270.490.689.208</u></b>	<b><u>3.566.044.119.390</u></b>	
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	3.229.388.246.196	755.608.635.678	2.473.779.610.518	
Vay dài hạn các tổ chức khác	615.569.874.728	615.569.874.728		
Trái phiếu thường	1.146.531.178.832		1.146.531.178.832	
<b>Cộng</b>	<b><u>4.991.489.299.756</u></b>	<b><u>1.371.178.510.406</u></b>	<b><u>3.620.310.789.350</u></b>	



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn nhà nước	4.485.961.120.000	4.485.961.120.000
Vốn đối tượng khác	9.410.000.000	9.410.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.495.371.120.000</b>	<b>4.495.371.120.000</b>

### 21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	449.537.112	449.537.112
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

#### Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.878,059,25	5.867,76
Euro (EUR)	0,01	0,01
Yên Nhật (¥)	6,00	6,00

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Doanh thu hợp đồng xây dựng	254.562.205.806	334.973.993.876
Doanh thu bán điện	100.599.771.694	160.322.101.456
Doanh thu bán thiết bị		79.508.598.322
Doanh thu cho thuê văn phòng	47.914.607.442	41.023.442.811
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11.473.831.861	22.764.796.319
<b>Cộng</b>	<b>414.550.416.803</b>	<b>638.592.932.784</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	246.101.889.593	325.333.153.392
Giá vốn kinh doanh điện	100.599.771.694	160.322.101.456
Giá vốn thiết bị		79.508.598.322
Giá vốn cho thuê văn phòng	27.415.608.184	22.661.832.663
Giá vốn dịch vụ khác	6.802.851.569	5.980.741.724
<b>Cộng</b>	<b>380.920.121.040</b>	<b>593.806.427.557</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lãi tiền gửi	6.795.310.438	6.123.282.348
Lãi cho vay	96.518.148.818	28.331.247.934
Cổ tức, lợi nhuận được chia	109.244.072.000	205.835.218.400
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	24.204.955.000	89.967.000
Lãi CLTG phát sinh	861.258.583	3.487.849.938
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.229.942.856	2.724.549.908
<b>Cộng</b>	<b>239.853.687.695</b>	<b>246.592.115.528</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Chi phí lãi vay	102.645.793.912	80.577.966.778
Chi phí lãi trái phiếu	62.297.720.548	67.704.372.146
Chi phí phát hành trái phiếu	3.435.366.789	6.017.896.898
Lỗ CLTG phát sinh	1.030.307.523	2.726.573.268
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	13.016.687.891	11.902.025.256
Phí lưu ký chứng khoán	546.026.510	333.663.807
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	106.516.735	
Chi phí tài chính khác		1.008.432.157
<b>Cộng</b>	<b>183.078.419.908</b>	<b>170.270.930.310</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Chi phí cho nhân viên	14.933.456.363	14.955.455.048
Chi phí vật liệu quản lý	674.551.637	289.290.461
Chi phí đồ dùng văn phòng	251.805.386	470.364.107
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.159.669.612	3.207.614.134
Thuế, phí và lệ phí	1.251.160.584	1.910.032.068
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(299.025.284)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.643.786.641	2.936.636.292
Các chi phí khác	7.444.104.917	12.670.904.080
<b>Cộng</b>	<b><u>31.059.509.856</u></b>	<b><u>36.440.296.190</u></b>
Chi phí quản lý các năm trước chưa phân bổ (xem thuyết minh V.9b)	17.988.395.933	
<b>Kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm nay</b>	<b>(28.881.924.559)</b>	
Chi phí chờ kết chuyển sang năm sau (xem thuyết minh V.9b)	20.165.981.230	

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Quyết toán thù lao đại diện phần vốn	87.285.795	94.029.000
Xử lý số dư đặt cọc chấm dứt hợp đồng thuê vp	632.555.384	
Phí tư vấn và bảo lãnh	826.794.121	
Cục thuế tỉnh KonTum hoàn thuế GTGT nộp thừa	-	56.315.928
Thu nhập khác	165.555.901	371.690.438
<b>Cộng</b>	<b><u>1.712.191.201</u></b>	<b><u>522.035.366</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Phạt chậm nộp lợi nhuận về NSNN	10.863.051.200	2.874.505.039
Phạt nộp chậm thuế	5.520.000	821.364.038
Thuế GTGT không được khấu trừ khi hoàn thuế	15.563.166	
Phí tư vấn và bảo lãnh	818.913.374	
Phạt nộp chậm BHXH		28.050.200
Chi phí khác	165.555.901	3.653.643.494
<b>Cộng</b>	<b><u>11.868.603.641</u></b>	<b><u>7.377.562.771</u></b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 977.691.075VND.

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratie	Công ty liên kết



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6 và V.13, V.14, V.17 và V.18.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và bán điện thương phẩm
- Lĩnh vực khác: Cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, bán thiết bị và các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	254.562.205.806	100.599.771.694	59.388.439.303	414.550.416.803
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>254.562.205.806</b>	<b>100.599.771.694</b>	<b>59.388.439.303</b>	<b>414.550.416.803</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.460.316.213		25.169.979.550	33.630.295.763
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(28.881.924.559)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.748.371.204
Doanh thu hoạt động tài chính				239.853.687.695
Chi phí tài chính				(183.078.419.908)
Thu nhập khác				1.712.191.200
Chi phí khác				(11.868.603.641)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>51.367.226.551</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>99.782.030</b>		<b>19.131.916.108</b>	<b>19.231.698.138</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Tại ngày 30/6/2019</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.248.188.671.866	33.702.077.574	27.113.250.900	5.309.069.724.382
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				9.924.455.097.643
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.248.188.671.866</b>	<b>33.702.077.574</b>	<b>27.113.250.900</b>	<b>15.233.524.822.025</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.812.638.641.870	423.466.448.270	163.415.628.552	5.397.921.685.478
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.266.489.380.477
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.812.638.641.870</b>	<b>423.466.448.270</b>	<b>163.415.628.552</b>	<b>10.664.411.065.955</b>
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.022.987.316.381	70.827.586.298	30.778.613.689	9.124.593.516.368
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				6.528.042.219.108
<b>Tổng tài sản</b>				<b>15.652.635.735.476</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	10.313.599.302.977	508.659.809.766	201.526.650.397	11.023.785.763.140
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				111.103.442.817
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>11.134.889.205.957</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chỉ tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Khu vực trong nước  
Khu vực nước ngoài  
Cộng

Từ 01/01/2019  
đến 30/6/2019

287.537.395.206

127.013.021.597

414.550.416.803

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn